

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 095-V01/TPP-CTY/2022

### I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38609003

Fax : (028) 38607622

E-mail: info@tanphuvietnam.vn

Mã số doanh nghiệp: 0303640880

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ..., Ngày Cấp: ....., Nơi cấp: .....(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định).

### II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BÌNH NƯỚC THUỶ TINH NIKKO

2. Thành phần: Thủy tinh borosilicate, silicone, thép không gỉ, PP (Polypropylen).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng cho tới khi sản phẩm bị vỡ, biến dạng hoặc tùy vào nhu cầu sử dụng của khách hàng.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong thùng carton với quy cách 24 cái /thùng carton

Hoặc quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản phẩm của: Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

- Sản xuất tại: SHIJIAZHUANG FAR EAST IMPORT&EXPORT TRADING CO.,LTD

Địa chỉ: Room 702-703, Building T3, Zhongjiao Fortune Center, NO. 118 Ziqiang Road, Qiaoxi District, Shijiazhuang, Hebei, China.

### III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1:2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm"
- QCVN 12-2:2011/BYT: "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm"
- QCVN 12-4:2015/BYT: "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm"

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Ngô Đức Trung  
Phó Tổng giám đốc

# MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

**Tên sản phẩm:** Bình nước thủy tinh Nikko

**Mã sản phẩm:** ....

**Thông số kỹ thuật:** Kích thước (D x R x C) tương ứng (... x ... x ...) mm

**Khối lượng tịnh:** ... g

**Dung tích:** ..... ml

**Thành phần:** Thủy tinh Borosilicate, silicone, Thép không gỉ, PP (Polypropylen)

**Hướng dẫn sử dụng :** Dùng để đựng nước. Thân thủy tinh chịu nhiệt độ tối đa 560°C

**Bảo quản:** Nơi khô ráo, thoáng mát

**Thông tin cảnh báo:** Dễ vỡ

**Sản phẩm của:** Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Hot line: 1800 7009 (miễn phí)

**Sản xuất tại:** SHIJIAZHANG FAR EAST IMPORT&EXPORT TRADING CO.,LTD

Địa chỉ: Room 702-703, Building T3, Zhongjiao Fortune Center, NO. 118 Ziqiang Road, Qiaoxi

District, Shijiazhuang, Hebei, China.

**Xuất xứ:** Trung Quốc

**Tháng SX:** ...



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL1220100466-22

Trang/ Page No: 1/3

- Tên khách hàng/ Client's Name : **CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM**
- Địa chỉ/ Client's Address : 314 Lũy Bán Bích, Phường Hoà Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 06/01/2022
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test : 06/01/2022
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 17/01/2022
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : **BÌNH NƯỚC THUỶ TINH NIKKO**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu gồm có: Phần nắp có silicon, phần nắp nhựa PP, thân thủy tinh
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	Giới hạn cho phép
1	Bisphenol A (Phenol, P-t-butylphenol) / Bisphenol A (Phenol, P-t-butylphenol)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/g	100	QCVN 12-1-2011/BYT	500 <sup>(1)</sup>
<b>A. Phần nắp có silicon</b>						
1	Chì (Pb) / Lead (Pb)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/g	2	QCVN 12-2:2011-BYT	100 <sup>(2)</sup>
2	Cadimi (Cd) / Cadmium (Cd)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/g	2	QCVN 12-2:2011-BYT	100 <sup>(2)</sup>
3	2-Mercaptoim idazolin / 2-Mercaptoim idazolin	Âm tính/ Negative	-	-	QCVN 12-2:2011/BYT	Âm tính <sup>(2)</sup>
4	Phenol (60°C trong 30 phút, nước) / Phenol (water, 60°C, 30 min)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/mL	1	QCVN 12-2:2011/BYT	5 <sup>(2)</sup>
5	Formaldehyd (nước, 60°C, 30 phút) (*) / Formaldehyd (water, 60°C, 30 min) (*)	Âm tính/ Negative	-	-	TS-KT-HCB-198:2020 (Ref. QCVN 12-2:2011-BYT)	Âm tính <sup>(2)</sup>
6	Kẽm (Zn, Axit acetic 4%, 60°C, trong 30 phút) / Zinc (Zn, Acetic acid 4%, 60°C, in 30min)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/mL	0.03	QCVN 12-2:2011/BYT	15 <sup>(2)</sup>
7	Kim loại nặng (quy ra chì, Axit acetic 4%, 60°C, trong 30 phút) / Heavy metals (as Pb, Acetic acid 4%, 60°C, in 30 min)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/mL	0.1	QCVN 12-2:2011/BYT	1 <sup>(2)</sup>

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liên kế shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Mã số/ Ref. No: TSL1220100466-22

Trang/ Page No: 2/3

**TEST REPORT**

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	Giới hạn cho phép
8	Cặn khô (thôi nhiễm trong ethanol 20%, 60°C, 30 phút) (*) / Evaporation residue (leaching ethanol 20% solution, 60°C, 30 min) (*)	23.0	µg/mL	-	TS-KT-HCB-198:2020 (Ref. QCVN 12-2:2011-BYT)	60 <sup>(2)</sup>
9	Cặn khô (thôi nhiễm trong nước, 60°C, 30 phút) (*) / Evaporation residue (leaching distilled water solution, 60°C, 30 min) (*)	19.0	µg/mL	-	TS-KT-HCB-198:2020 (Ref. QCVN 12-2:2011-BYT)	60 <sup>(2)</sup>
10	Cặn khô (thôi nhiễm trong axit acetic 4%, 60°C, 30 phút) (*) / Evaporation residue (leaching acetic acid 4% solution, 60°C, 30 min) (*)	22.0	µg/mL	-	TS-KT-HCB-198:2020 (Ref. QCVN 12-2:2011-BYT)	60 <sup>(2)</sup>
<b>B. Phần nắp nhựa PP</b>						
1	Chì (Pb) / Lead (Pb)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/g	2	QCVN 12-1:2011/BYT	100 <sup>(1)</sup>
2	Cadimi (Cd) / Cadmium (Cd)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/g	2	QCVN 12-1:2011/BYT	100 <sup>(1)</sup>
3	Kim loại nặng quy ra chì (Acetic acid 4%, 60°C, 30 phút) / Heavy metals (as Pb, Acetic acid 4%, 60°C, in 30 min)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/mL	0.1	QCVN 12-1:2011/BYT	1 <sup>(1)</sup>
4	Lượng KMnO <sub>4</sub> sử dụng (nước, 60°C, 30 phút) (*) / KMnO <sub>4</sub> used (water, 60°C, 30 min) (*)	1.90	µg/mL	-	QCVN 12-1:2011/BYT	10 <sup>(1)</sup>
5	Cặn khô (thôi nhiễm trong n-heptan, 25°C, 60 phút) (*) / Evaporation residue (leaching n-heptane solution, 25°C, 60 min) (*)	26.0	µg/mL	-	QCVN 12-1:2011-BYT	30 <sup>(1)</sup>
6	Cặn khô (thôi nhiễm trong ethanol 20%, 60°C, 30 phút) (*) / Evaporation residue (leaching ethanol 20% solution, 60°C, 30 min) (*)	24.0	µg/mL	-	QCVN 12-1:2011-BYT	30 <sup>(1)</sup>
7	Cặn khô (thôi nhiễm trong nước, 60°C, 30 phút) (*) / Evaporation residue (leaching distilled water solution, 60°C, 30 min) (*)	16.0	µg/mL	-	QCVN 12-1:2011-BYT	30 <sup>(1)</sup>
8	Cặn khô (thôi nhiễm trong axit acetic 4%, 60°C, 30 phút) (*) / Evaporation residue (leaching acetic acid 4% solution, 60°C, 30 min) (*)	20.0	µg/mL	-	QCVN 12-1:2011-BYT	30 <sup>(1)</sup>



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liên kế shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL1220100466-22

Trang/ Page No: 3/3

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	Giới hạn cho phép
<b>C. Phần thân thủy tinh</b>						
1	Cadimi (Cd, Axit acetic 4%, 22±2°C, trong 24 giờ) / Cadmium (Cd, Acetic acid 4%, 22±2°C, in 24 hours)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	QCVN 12-4:2015/BYT	0.5 <sup>(3)</sup>
2	Chì (Pb, Axit acetic 4%, 22±2°C, trong 24 giờ) / Lead (Pb, Acetic acid 4%, 22±2°C, in 24 hours)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	QCVN 12-4:2015/BYT	1.5 <sup>(3)</sup>

**Chú thích/ Remarks:**

(1): QCVN 12-1 : 2011/BYT

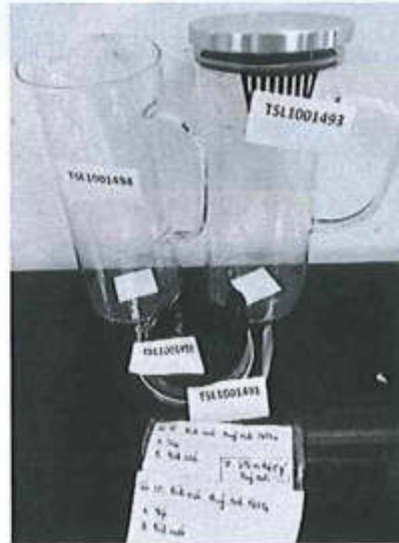
(2): QCVN 12-2:2011/BYT

(3): QCVN 12-4:2015/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.



**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liên kế shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04